

Số: 1005 /BC-VHTC

Hà Tu, ngày 31 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU - VINACOMIN
Năm báo cáo: 2025

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Ha Tu Coal Joint Stock Company.
- + Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin.
- + Tên tiếng Anh: Vinacomin - Ha Tu Coal Joint Stock Company.
- + Tên viết tắt: VHTC.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700101323, đăng ký lần đầu ngày 25/12/2006, thay đổi lần thứ 13 ngày 04/12/2025 tại Sở tài chính Tỉnh Quảng Ninh.
- Vốn điều lệ: 245.690.520.000 VNĐ (*bằng chữ: Hai trăm bốn mươi lăm tỷ, sáu trăm chín mươi triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng*).
- Vốn đầu tư chủ sở hữu: 245.690.520.000 VNĐ (*bằng chữ: Hai trăm bốn mươi lăm tỷ, sáu trăm chín mươi triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng*).
- Địa chỉ: Tổ 6, Khu phố Hà Tu 3, Phường Hà Tu, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
- Số điện thoại: (0203).3835169;
- Fax: (0203).3836120;
- Email: thanhatu@hatucoal.vn;
- Website: www.hatucoal.vn;
- Mã cổ phiếu: **THT**.

Quá trình hình thành và phát triển:

Mỏ than Hà Tu được thành lập theo Quyết định số 707-BCN/KB2 ngày 23/07/1960 do bộ trưởng Bộ Công nghiệp Lê Thanh Nghị ký. Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin tiền thân là mỏ than Hà Tu, đăng ký kinh doanh số 110947 ngày 14/10/1996 của UBND Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 12/10/1996.

Ngày 01/10/2001 Hội đồng quản trị Tổng công ty Than Việt Nam ban hành quyết định số 405/QĐ-HĐQT đổi tên Mỏ Than Hà Tu thành Công ty Than Hà Tu.

Năm 2006 Công ty thực hiện cổ phần hoá và chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần than Hà Tu theo Quyết số 2062/QĐ-BCN ngày 09/8/2006 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp (*nay là Bộ Công Thương*) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Than Hà Tu thành Công ty cổ phần Than Hà Tu - TKV. Công ty đã được sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700101323 ngày 25/12/2006 với mức vốn điều lệ 91.000.000.000 đồng (*Chín mươi một tỷ đồng*).

Ngày 01/01/2007 Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối 51%.

Ngày 24/10/2008 Công ty chính thức được niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Hà nội (HNX).

Ngày 08/9/2010 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin.

Ngày 02/4/2012 Đại hội đồng cổ đông thường niên đã quyết định tăng vốn điều lệ từ 91 tỷ đồng lên 136,5 tỷ đồng, bằng phương thức phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu. Sau khi hoàn thiện phương án phát hành theo quy định của pháp luật, ngày 19/7/2012 Công ty chính thức niêm yết và đưa vào giao dịch số cổ phiếu niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với số lượng: 4.549.738 cổ phiếu, đã nâng tổng số lượng cổ phiếu niêm yết lên 13.649.738 cổ phiếu với tổng giá trị cổ phiếu niêm yết (*theo mệnh giá*) là 136.479.380.000 đồng.

Ngày 25/4/2016 Đại hội đồng cổ đông thường niên đã quyết định tăng vốn điều lệ từ 136,5 tỷ đồng lên 245,7 tỷ đồng, bằng phương thức phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu. Sau khi hoàn thiện phương án phát hành theo quy định của pháp luật, ngày 19/8/2016 Công ty chính thức niêm yết và đưa vào giao dịch số cổ phiếu niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với số lượng: 10.919.314 cổ phiếu, đã nâng tổng số lượng cổ phiếu niêm yết lên 24.569.052 cổ phiếu với tổng giá trị cổ phiếu niêm yết (*theo mệnh giá*) là 245.690.520.000 đồng.

Ngày 12/4/2019 Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã nâng sở hữu tại Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin lên 15.969.884 cổ phần bằng 65% vốn điều lệ của Công ty.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	Khai thác và thu gom than cứng	0510 (Chính)
02	Khai thác và thu gom than non	0520
03	Khai thác và thu gom than bùn	0892
04	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0729
05	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
06	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
07	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	4933
08	Kho bãi và lưu trữ hàng hoá	5210
09	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
10	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
11	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.	3312
12	Sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn.	3311
13	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
14	Sửa chữa thiết bị điện	3314
15	Sửa chữa thiết bị khác	3319
16	Lắp đặt hệ thống điện	4321
17	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
18	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
19	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
20	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
21	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
22	Hoạt động các cơ sở thể thao	9311
23	Truyền tải và phân phối điện - Phân phối điện	3513

- Địa bàn kinh doanh: Phường Hà Tu - Tỉnh Quảng Ninh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị:** Theo khoản a- Điều 137 Luật Doanh nghiệp

+ Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, trong đó 03 thành viên không tham gia điều hành.

+ Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên.

+ Ban Giám đốc điều hành: 05 thành viên. Trong đó gồm có 01 Giám đốc Công ty điều hành chung; 01 Phó Giám đốc phụ trách sản xuất; 01 Phó Giám đốc phụ trách Kỹ thuật; 01 Phó Giám đốc phụ trách Môi trường và dự án; 01 Phó Giám đốc phụ trách Cơ điện - Vận tải và 01 Kế toán trưởng.

- **Cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại:**

* **Các phòng ban:**

01- Văn phòng

02- Phòng Tổ chức nhân sự

03- Phòng Pháp chế, kiểm toán nội bộ & Bảo vệ Quân sự

04- Phòng Kế hoạch & Quản trị chi phí

05- Phòng Vật Tư

06- Phòng Kế toán, Thống kê, Tài chính

07- Phòng Cơ điện vận tải

08- Phòng Kỹ thuật-AT BHLĐ

09- Phòng Kỹ thuật công nghệ mở

10- Phòng Đầu tư & Môi trường

11- Phòng Trắc địa - Địa chất

12- Phòng KCS

13- Phòng Điều khiển sản xuất

* **Các công trường phân xưởng**

01- Công trường Khai thác 1

02- Công trường Khai thác 2

03- Công trường Khoan

04- Công trường Than

05- Công trường Bơm nước và làm đường

06- Phân xưởng Dịch vụ tổng hợp

07- Phân xưởng sửa chữa Ôtô

08- Phân xưởng Cơ điện

09- Phân xưởng Xe 1

10- Phân xưởng Xe 2

11- Phân xưởng Xe 7

4. Định hướng phát triển: Xây dựng công ty CP Than Hà Tu-Vinacomin trở thành một trong các doanh nghiệp có trình độ công nghệ, mô hình quản trị theo hướng hiện đại và chuyên môn hoá cao; cơ cấu tổ chức, lao động gọn nhẹ, hợp lý; nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, năng lực cạnh tranh; hoạt động hiệu quả, bền vững; giữ vai trò trong việc đảm bảo cung ứng sản phẩm than cho TKV; xây dựng mối quan hệ hài hoà trong Công ty, vừa đảm bảo lợi ích của TKV và của Công ty, đảm bảo lợi ích của người lao động trong Công ty.

5. Các rủi ro :

Rủi ro trong công tác an toàn, tai nạn lao động và sự cố thiết bị; Rủi ro trong công tác kế toán tài chính, chính sách thuế; Rủi ro trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng phục vụ mở rộng SXKD của Công ty; Rủi ro về điều kiện địa chất biến động dẫn đến phải thay đổi phương hướng khai thác than của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2025

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD).

Kết quả SXKD năm 2025 của Công ty như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	KH năm 2025		Thực hiện năm 2025		
			NQ 01/2025/NQ-ĐHDCĐ	NQ 127/2026/NQ-VHTC	Thực hiện	NQ 01/2025/NQ-ĐHDCĐ	NQ 127/2026/NQ-VHTC
1	Đất bóc CBSX	1000m ³	44.000	50.000	50.003	113,6	100,0
2	Than NK khai thác	1000tấn	2.500	2.500	2.500	100,0	100,0
3	Than tiêu thụ	1000tấn	2.573	2.806	2.790	108,4	99,4
4	Doanh thu tổng số	Trđ	4.967.474	4.822.345	5.326.361	107,2	110,5
5	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	40.407	40.407	51.366	127,1	127,1
6	Tiền lương bình quân	1000đ/ng-th	13.159	13.980	16.007	121,6	114,5
7	Đầu tư xây dựng	Trđ	153.551	139.363	144.072	93,8	103,4
8	Mức chi trả Cổ tức ≥	%	6	6	8(dự kiến)	133,3	133,3

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban giám đốc điều hành:

TT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm	Số CP năm giữ	Địa chỉ thường trú
1	Trần Quốc Tuấn	22/8/1968	Thạc sỹ kinh tế KS khai thác CN tin học	Bổ nhiệm 25/11/2024	0	P411, B4, Khương Thượng; Phường Kim Liên; Thành phố Hà Nội.
2	Phan Ngũ Hoàn	26/6/1981	Thạc sỹ khai thác mỏ	Bổ nhiệm 01/6/2025	0	Tổ 5, khu 5B, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh
3	Trần Quốc Toàn	06/11/1978	Kỹ sư khai thác Cử nhân kinh tế	21/02/2018	120	Tổ 6, Hồng Hải 10, Phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
4	Lam Anh Tuấn	17/9/1980	Kỹ sư khai thác	Bổ nhiệm 01/02/2019	0	Tổ 28 khu phố Hà Phong 3, phường Hà Tu, tỉnh Quảng Ninh
5	Nguyễn Trọng Hiếu	08/4/1968	Kỹ sư cơ điện	Bổ nhiệm 25/7/2022	0	Tổ 2, Khu Trần Hưng Đạo 5, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh.

* Kế toán trưởng

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm	Số CP năm giữ	Địa chỉ thường trú
1	Bùi Thanh Bình	16/10/1978	Cử nhân kế toán	15/11/2025		Tổ 6, khu phố Hà Tu 5, phường Hà Tu, tỉnh Quảng Ninh.

2.2. Những thay đổi trong Ban lãnh đạo điều hành:

Trong năm 2025, nhân sự trong ban lãnh đạo điều hành có thay đổi như sau:

+ Bổ nhiệm 01 Phó Giám đốc là ông Phan Ngũ Hoàn từ ngày 01/6/2025.

+ Bổ nhiệm 01 Kế toán trưởng là ông Bùi Thanh Bình từ ngày 15/11/2025.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Số lượng lao động tính đến hết 31/12/2025 là 1.869 người trong đó nữ 539 người chiếm tỷ lệ 28,65%. Lao động công nghệ 875 người chiếm tỷ lệ 46,8% Lao động phục vụ 751 người chiếm tỷ lệ 40,2%; lao động gián tiếp 237 người chiếm tỷ lệ 12,7%; Người quản lý doanh nghiệp 06 người chiếm tỷ lệ 0,3%.

- Về chất lượng lao động:

+ Thạc sỹ: 12 người chiếm tỷ lệ 0,64% tổng số lao động;

+ Đại học: 457 người chiếm tỷ lệ 24,45% tổng số lao động;

+ Cao đẳng: 34 người chiếm tỷ lệ 1,82% tổng số lao động;

+ Công nhân kỹ thuật: 1.295 người chiếm tỷ lệ 69,29% tổng số lao động;

+ Lao động thủ công: 71 người chiếm tỷ lệ 3,80% tổng số lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

Thực hiện chi phí đầu tư xây dựng năm 2025 đạt 144,1/139,4 tỷ đồng bằng 103,4% kế hoạch điều chỉnh đã được HĐQT Công ty thông qua tại Quyết định số 4819/QĐ- VHTC ngày 25/12/2025. Thực hiện giải ngân vốn đầu tư đến hết năm 2025 (bao gồm cả phần trả nợ khối lượng năm trước chưa có trong kế hoạch đầu tư) là 152.005 triệu đồng/147.666 triệu đồng, đạt 103% Kế hoạch điều chỉnh năm 2025.

Trong năm 2025, Công ty đã hoàn thành xong công tác quyết toán các dự án như dự án duy trì sản xuất năm 2024, dự án duy trì sản xuất năm 2024, dự án đầu tư nâng cao năng lực sản xuất đồng bộ công suất lớn; đặc biệt trong năm 2025 Công ty đã hoàn thành việc điều chỉnh giấy phép khai thác dự án lộ thiên khu Bắc Bàng Danh và đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp phép tại văn bản số 500/GP-BNNMT ngày 18/11/2025. Hiện nay, dự án đang tiếp tục thực hiện công tác điều chỉnh thiết kế kỹ thuật, GPMB dự kiến sẽ hoàn thành vào quý I/2026 đảm bảo đúng theo tiến độ của của án đã được HĐQT Công ty phê duyệt tại Quyết định số 3500/QĐ-VHTC ngày 18/9/2025.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính năm 2025:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2025 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	% tăng, giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	1.566.272.933.803	1.844.857.800.949	17,79
2	Doanh thu thuần	Đồng	4.239.149.584.161	5.315.069.155.660	25,38
3	Lợi nhuận từ hoạt động KD	Đồng	22.292.851.309	43.231.237.532	93,92
4	Lợi nhuận khác	Đồng	5.915.302.475	8.134.642.445	37,52
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	28.208.153.784	51.365.879.977	82,10
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	22.420.523.333	40.354.785.487	79,99
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	3%	DK 8%	166,67
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	913	1.643	79,96

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,79	0,94
	+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,3	0,35
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,76	0,79
	+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	3,06	4,21
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn/Hàng tồn kho BQ)	Vòng	9,37	8,42
	+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Vòng	2,71	2,88
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	Lần	0,01	0,01
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu BQ	Lần	0,08	0,14
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	Lần	0,014	0,024

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần: Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 24.569.052 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần. Tất cả cổ phần của Công ty đều là cổ phần phổ thông.

b. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 23/03/2026:

STT	Cổ đông	Sở hữu cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	23.572.809	95,95%
1.1	Cổ đông tổ chức	15.975.280	65,02%
1.2	Cổ đông cá nhân	7.597.529	30,92%
2	Cổ đông nước ngoài	996.243	4,05%
2.1	Cổ đông tổ chức	679.810	2,77%
2.2	Cổ đông cá nhân	216.433	1,28%
3	Cổ đông lớn (Tập đoàn TKV)	15.969.884	65,00%

e. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.

6.1 Tác động lên môi trường:

Nước thải phát sinh trung bình 14.927 m³/ngày đêm, nguồn phát sinh chủ yếu là nước thải sinh hoạt, nước mưa, nước ngầm được tập trung tại moong khai thác. Nước thải tập trung được thu hồi về 02 trạm xử lý nước thải của Công ty để xử lý (công suất 36.000 m³/ngày đêm) sau đó được sử dụng lại để phục vụ sản xuất, lượng nước thải đã qua xử lý Công ty không tận dụng hết thì được xả ra suối Lộ phong theo đúng nội dung Giấy phép đã được Bộ TNMT phê duyệt. Nước thải sau khi xử lý xong đạt QCVN 40:2011/BTNMT.

Nguồn phát sinh khí thải: chủ yếu từ các phương tiện khoan, nổ, bốc xúc vận tải và các thiết bị san gạt hoạt động trên khai trường. Để đảm bảo chất lượng không khí Công ty tập trung đầu tư mua sắm các thiết bị mới hiện đại, đưa thiết bị cũ vào trung, đại tu đúng kỳ, bảo dưỡng thiết bị thường xuyên. Theo kết quả quan trắc định kỳ chất lượng môi trường

không khí: Nồng độ khí thải (SO₂, NO₂, CO) tại các vị trí có giá trị thấp hơn giới hạn cho phép.

Trong quá trình thực hiện sản xuất kinh doanh Công ty thường xuyên thực hiện quan trắc môi trường định kỳ 04 quý/năm nhằm đánh giá và đưa ra các giải pháp xử lý ô nhiễm môi trường một cách kịp thời. Căn cứ kết quả quan trắc định kỳ thì các chỉ tiêu về đất, nước thải, không khí tại các vị trí trong Công ty đều đạt tiêu chuẩn cho phép.

6.2 Quản lý nguồn tài nguyên, nguyên vật liệu:

Hiện tại Công ty đang hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác số 500/GP-BNNMT được cấp ngày 18/11/2025

+ Trữ lượng khoáng sản được phép khai thác:

- Khoáng sản chính (Than) (tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2025): 15.561.741 tấn (tương ứng 18.500.000 tấn than nguyên khai);

- Khoáng sản đi kèm (Đất, đá phát sinh trong hoạt động khai thác than): 15,0 triệu m³ ở trạng thái nguyên khối (tương ứng khoảng 18,21 triệu m³ ở trạng thái nở ròi).

+ Mức sâu khai thác: -250m.

Kết quả quản lý tài nguyên của Công ty năm 2025, cụ thể như sau:

+ Khoáng sản chính: Than.

- Tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai trong khai thác: 2.500.000 tấn;

- Sản lượng khoáng sản nguyên khai khai thác thực tế từ khi bắt đầu khai thác đến hết năm báo cáo: 2.500.000 tấn.

- Tổng trữ lượng khoáng sản đã khai thác (được quy đổi từ khối lượng khoáng sản nguyên khai đã khai thác trong năm báo cáo về trữ lượng khoáng sản địa chất): 2.226.185 tấn;

- Tỷ lệ tổn thất khoáng sản thực tế : 6,9%;

- Tỷ lệ làm nghèo khoáng sản thực tế: 17,11% (đá lẫn trong than nguyên khai); Hệ số thực thu trong quá trình tuyển tách/phân loại /làm giàu: 92,41%.

- Tổng khối lượng khoáng sản than địa chất còn lại đến hết 31/12/2025 là 13.335.556 tấn.

- Khoáng sản đi kèm (đến hết 31/12/2025): 15 triệu m³ ở trạng thái nguyên khối (tương ứng khoảng 18,21 triệu ở trạng thái nở ròi).

+ Khoáng đi kèm:

- Tổng khối lượng thác: 0 m³;

- Sản lượng khoáng sản đi kèm khai thác thực tế từ khi bắt đầu khai thác đến hết năm báo cáo: 0 m³.

6.3 Tiêu thụ năng lượng

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Tiêu thụ năng lượng năm 2025				Quy đổi (TOE)	Ghi chú
Điện	Dầu DO	Xăng	LPG		
(kwh)	(Lit)	(Lit)	(Tấn)		
22.407.607	32.932.748	11.745	5,475	32.454	

Trong năm 2025, Công ty thực hiện các giải pháp khống chế công suất, thời gian hoạt động trong giờ cao điểm của thiết bị điện công suất lớn. Điều tiết hệ thống chiếu sáng làm việc, bảo vệ, quạt, điều hoà... hợp lý, tiết kiệm; Lắp thiết bị đóng cắt tự động hẹn giờ

phù hợp theo mùa cho các hệ thống chiếu sáng công cộng, giao thông... kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy định về tiết kiệm điện của các đơn vị; Lắp đặt phần mềm và thiết bị cảm biến nhận dạng nhằm quản lý việc cung cấp và tiêu hao nhiên liệu của các thiết bị một cách hợp lý; Ứng dụng công nghệ thông tin, lắp đặt Hệ thống Camera giám sát để quản lý điều hành, nghiệm thu cung độ và kiểm soát các thiết bị, lắp đặt hệ thống định vị vệ tinh GPS, thiết bị theo dõi giám sát tiêu hao nhiên liệu cho các thiết bị Ô tô, máy khai thác tiêu thụ nhiên liệu trong Công ty.

b. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng(Cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này:

* Hợp lý hoá Hệ thống cung cấp điện, quy hoạch lại các khởi hành giảm chiều dài tuyến, cân đối phụ tải, tăng tiết diện dây dẫn hợp lý, thay thế các đường dây chất lượng xấu, nhiều mối nối giảm tổn thất điện năng. Quy hoạch, củng cố tốt các tuyến đường vận tải. Nâng cao chất lượng mặt đường, giảm độ dốc, độ cua rút ngắn cung độ vận chuyển cho các xe Ô tô vận tải.

* Lựa chọn công suất sử dụng và vị trí đặt các trạm biến áp 6/0,4KV phù hợp, dồn ghép hợp lý phụ tải, hạn chế các máy biến áp 6/0,4KV vận hành non tải, đảm bảo hệ số công suất bù $\cos\varphi > 0,9$.

* Lựa chọn động cơ Diêzel các thiết bị có công suất phù hợp với tải trọng. Thay thế các động cơ điện, làm việc non tải bằng các động cơ có công suất phù hợp, đặc biệt thiết bị khâu sàng tuyển, bơm nước...

* Tăng cường làm tốt các chế độ bảo quản, BDKT các máy móc, thiết bị sử dụng điện, nhiên liệu đảm bảo sự trơn nhậy của hệ thống, tăng hiệu quả, hiệu suất làm việc của thiết bị, giảm tổn thất điện năng, nhiên liệu vô công. Kịp thời đưa thiết bị vào sửa chữa khi có dấu hiệu bất thường về hệ thống nhiên liệu.

* Duy trì thực hiện việc sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng: Lắp các bóng compac, bóng LED... tiết kiệm điện thay cho các bóng sợi đốt công suất lớn, kiện toàn lại hệ thống điện chiếu sáng bảo vệ và sinh hoạt tại các phòng ban công trường phân xưởng cho phù hợp đáp ứng yêu cầu sản xuất không lãng phí công suất. Tận dụng thông gió và ánh sáng tự nhiên khi thiết kế lắp đặt hệ thống điện sinh hoạt, không chế điều hòa nhiệt độ hợp lý.

* Duy trì hoạt động các công tơ đo đếm điện năng giám sát tiêu thụ điện tại hộ tiêu thụ điện và đồng hồ theo dõi nhiên liệu tại các thiết bị sử dụng nhiên liệu đảm bảo chính xác.

* Áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong công tác Tự động hóa -Tin học hóa trong sản xuất.

Về tin học hóa: đã triển khai đầy mạnh để cải cách hành chính và quản trị văn phòng hướng tới mục tiêu văn phòng không giấy tờ. Cụ thể:

- Hệ thống Chữ ký số & eOffice: Hoàn tất cấp 71 chữ ký số (VNPT Smart CA) cho ban lãnh đạo và cán bộ chủ chốt. Thực hiện mục tiêu số hóa 80% văn bản, cho phép phê duyệt mọi lúc mọi nơi, loại bỏ sự chậm trễ trong luân chuyển văn bản.

- Số hóa điều hành hiện trường: Triển khai phần mềm Giao ca - Nhận lệnh trực tuyến. Thay thế sổ giấy thủ công, đảm bảo mệnh lệnh sản xuất được truyền đạt chính xác, minh bạch.

- Hạ tầng họp trực tuyến: Chuẩn hóa nền tảng Microsoft Teams và nâng cấp các phòng họp số 1, 2 và 4, tạo lập môi trường cộng tác số không khoảng cách.

- Quản trị dựa trên dữ liệu thời gian thực: Duy trì hệ thống báo cáo nhanh SXKD trên Google Sheets (với 30 tài khoản chuyên dụng), cung cấp dữ liệu về chi phí và sản lượng tức thời, giúp Ban lãnh đạo đưa ra quyết định dựa trên con số thực thay vì ước tính.

Về tự động hóa: Duy trì và lắp đặt bổ xung các thiết bị điều khiển tự động, các thiết bị tiết kiệm điện, nhiên liệu duy trì hoạt động các thiết bị biến tần, khởi động mềm; cảm biến, phần mềm giám sát tiêu thụ nhiên liệu (Hệ thống GPS, Camera giám sát..) cho máy móc thiết bị khai thác và vận tải nhằm cải thiện điều kiện làm việc của thiết bị giảm tiêu hao năng lượng.

6.4. Tiêu thụ nước

a. Nguồn cung cấp nước phục vụ cho mục đích sinh hoạt cho CBCNV trong Công ty bao gồm nước mua của Công ty cấp nước Quảng Ninh và nước ngầm tại giếng mạch lộ 01 HT.

- Nguồn cung cấp nước phục vụ cho công tác vệ sinh công nghiệp, tưới đường được lấy từ moong Bắc Bàng Danh và tận dụng nước sau khi xử lý tại 02 Trạm xử lý nước thải Hà Tu I, II.

- Lượng nước sử dụng: 1.615.712 m³, trong đó:

+ Lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt do Công ty Cấp nước Quảng Ninh cung cấp: 30.124 m³

+ Lượng nước khai thác từ giếng mạch lộ Hà Tu 01: 221.991 m³

+ Lượng nước khai thác phục vụ công tác tưới đường đập bụi và làm mát 815.751 m³

+ Lượng nước tận dụng sau xử lý phục vụ cho mục đích vệ sinh công nghiệp, tưới đường: 544.849 m³.

b. Tỷ lệ phần trăm tổng lượng nước tái chế và sử dụng:

- Tỷ lệ % tái sử dụng nước khoảng 10%

6.5. Tuân thủ Pháp luật về bảo vệ môi trường

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.6. Chính sách liên quan tới người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng lao động tính đến hết 31/12/2025 là 1.869 người; mức lương bình quân năm 2025 là 16.007 trđ/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, phúc lợi của người lao động

Công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các chế độ lao động theo quy định của Nhà nước:

Về Bảo hiểm xã hội và chế độ: Tất cả CBCNV ký hợp đồng từ 01 năm trở lên đều được tham gia đầy đủ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định pháp luật. Thường xuyên rà soát, đảm bảo quyền lợi của người lao động không bị gián đoạn.

Về An toàn lao động và môi trường làm việc: Cấp phát đầy đủ trang bị bảo hộ lao động theo quy định (mũ, găng tay, giày bảo hộ, khẩu trang, quần áo, ...).

Thực hiện kiểm tra định kỳ môi trường làm việc, duy trì vệ sinh sạch sẽ, giảm thiểu rủi ro tai nạn lao động. Tổ chức các chương trình huấn luyện, tập huấn về an toàn lao động và phòng chống cháy nổ.

Về phúc lợi vật chất và tinh thần Công ty thực hiện quỹ phúc lợi nhằm chăm lo đời sống CBCNV, đồng thời hỗ trợ các đơn vị, tổ chức xã hội trên địa bàn: Hỗ trợ tham quan, nghỉ mát; bồi dưỡng CBCNV làm việc tại khai trường trong điều kiện nắng nóng. Hỗ trợ nhân các dịp lễ, Tết, kỷ niệm như 8/3, 20/10, Quốc tế Thiếu nhi, Tết Trung Thu. Tặng quà

cho con em CBCNV và các hoạt động chăm sóc đời sống tinh thần CBCNV. Trong dịp Tết Nguyên đán 2025, Công ty chi bổ sung tiền lương, các khoản thưởng và phúc lợi để CBCNV ổn định cuộc sống, an tâm công tác.

Khen thưởng và động viên các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong sản xuất - kinh doanh, thường thi đua, khuyến khích an toàn, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động. Nhờ đó, CBCNV của Công ty được đảm bảo quyền lợi hợp pháp, môi trường làm việc an toàn, sức khỏe được bảo vệ và đời sống vật chất, tinh thần được nâng cao, góp phần tăng cường sự gắn bó lâu dài, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và phát triển bền vững của Công ty.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

Trong năm 2025, Công ty đã mở các lớp đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ CNKT nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất của Công ty như: Lớp đào tạo nghề Vận hành trạm điện 35/6kV: 12 học viên, lớp Vận hành máy nén khí: 16 học viên; Tổ chức, phối hợp với các phòng chức năng kiểm tra thử việc, bổ túc cho 163 CNKT; Cử 110 lượt CBCNV đi bồi dưỡng nâng cao chuyên môn tại Trường Quản trị kinh doanh - Vinacomin;

6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Trong quá trình triển khai kế hoạch sản xuất - kinh doanh, Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Công ty chú trọng phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư nơi Công ty hoạt động nhằm thực hiện hiệu quả các hoạt động an sinh xã hội, đồng thời đóng góp vào sự phát triển bền vững của địa phương.

8.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

II. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Thực hiện kế hoạch PHKD năm 2025 đã được TKV phê duyệt tại Quyết định số 2295/QĐ-TKV ngày 26/11/2024 và Công văn số 6636/TKV-KH ngày 26/11/2024 ; Quyết định số 2754/QĐ-TKV ngày 12/12/2025 và Công văn số 7326/TKV-KH ngày 12/12/2025 về việc điều chỉnh một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025 (gọi tắt là kế hoạch năm), Công ty đã tập trung tổ chức sản xuất để đảm bảo hoàn thành toàn diện kế hoạch PHKD năm 2025 đã được TKV giao.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Công ty gặp một số khó khăn như: (i) Phải tập trung mọi nguồn lực để xử lý khối lượng bùn moong rất lớn là 2.406.518 m³, bao gồm: Khối lượng đất đá trộn bùn moong để lại từ năm 2024 chuyển sang là 1.959.122 m³; Khối lượng đất đá trộn bùn moong phát sinh năm 2025 là 1.223.941 m³, trong đó: Khối lượng đã xử lý trong quý IV/2025 là 447.397 m³, khối lượng còn lại chuyển sang quý I/2026 xử lý là 776.544 m³ ; (ii) Công tác tiêu thụ khó khăn, đặc biệt là tiêu thụ các chủng loại than chất lượng cao; (iii) Chi phí tăng do tăng hệ số bóc đất: Thực hiện chỉ đạo của TKV, Công ty đã điều hành tăng đất bóc so với KH năm theo định hướng được xác lập đối với điều chỉnh dự án khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh (hệ số bóc 20,00/17,60 m³/tấn, tăng 2,4 m³/tấn so với kế hoạch năm) để cải tạo các thông số của hệ thống thoát nước, cải thiện điều kiện khai thác, đảm bảo duy trì sản lượng khai thác 2,5 triệu tấn/năm cho các năm tiếp theo dẫn đến khó khăn về dòng tiền.

Đứng trước những khó khăn đó, được sự quan tâm chỉ đạo sát sao, quyết liệt của các đồng chí Lãnh đạo, các Ban chuyên môn Tập đoàn, Công ty triển khai nhiều giải pháp, bố trí tổ chức sản xuất hợp lý; Triển khai phát động chiến dịch thi đua lao động

sản xuất 120 ngày đêm hoàn thành kế hoạch SXKD 6 tháng đầu năm 2025 từ tháng 3/2025; phát động thi đua Tháng công nhân, Tháng hành động về An toàn VSLĐ năm 2025 theo Kế hoạch liên tịch số 1566/KHLT-VHTC ngày 22/04/2025; Phát động thi đua sản xuất 90 ngày đêm hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2025 theo Kế hoạch liên tịch số 3329/KHLT-VHTC ngày 23/09/2025. Đẩy mạnh thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả các Nghị Quyết của Đảng ủy Tập đoàn, Đảng ủy Công ty về việc về việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2025. Kết thúc năm 2025, Công ty đã hoàn thành toàn diện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản:

Giá trị tổng tài sản năm 2025 tăng so với năm 2024 là 278.585 tr.đồng tăng 17,79%, trong đó: tài sản ngắn hạn tăng 402.999 tr.đồng, tài sản dài hạn giảm 124.414 tr.đồng. Tài sản ngắn hạn tăng do nợ phải thu tăng 55,2% chủ yếu là tăng nợ phải thu Tập đoàn tiền bán than. Hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 0,94 lần tăng 0,48 lần so với năm 2024 và tăng 0,24 lần so với kế hoạch TKV giao (TKV giao 0,7 lần). Trong năm 2025, Công ty sử dụng tài sản cố định hiệu quả, cơ cấu hợp lý. Công tác theo dõi trích khấu hao TSCĐ phục vụ sản xuất để thu hồi vốn đầu tư của Công ty thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật và chuẩn mực kế toán doanh nghiệp

b. Tình hình nợ phải trả:

Trong năm 2025, Công ty thu xếp cân đối nguồn tiền thanh toán trả khách hàng, nộp các khoản nghĩa vụ ngân sách nhà nước, trả lương cho cán bộ công nhân viên theo đúng thời gian quy định. Năm 2025 khoản vay dài hạn giảm 6.911 tr.đồng so với năm 2024. Các khoản nợ ngắn hạn của Công ty tăng so với năm 2024 là 79.579 tr.đồng. Hệ số nợ phải trả /Vốn chủ sở hữu theo kế hoạch: 3,3 lần, Công ty thực hiện 4,21 lần tăng 0,91 lần. Do nhu cầu than tiêu thụ giảm dẫn đến dòng tiền hạn chế. Để duy trì sản xuất liên tục, công ty phải bổ sung vốn lưu động bằng nguồn vay ngân hàng, làm tăng tổng nợ phải trả. Mặc dù hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tăng cao hơn kế hoạch, tuy nhiên vẫn nằm trong ngưỡng kiểm soát chấp nhận được đối với doanh nghiệp khai thác than có đặc thù vốn lớn, chu kỳ dài.

b. Tình hình nợ phải thu:

Định kỳ hàng tháng, quý, năm, Đơn vị thường xuyên tổ chức đối chiếu thu hồi công nợ, tiến hành phân loại nợ - trong Tập đoàn, ngoài tập đoàn để có biện pháp thu hồi dứt điểm công nợ. Công nợ phải thu của Công ty chủ yếu là phải thu ngắn hạn.

Số dư nợ khó đòi của công ty thời điểm 31/12/2025 là 2.853 tr.đồng là khoản nợ phải thu của Công ty cổ phần phát triển dự án Biển Đông, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng 100% nợ phải thu khó đòi năm 2013. Năm 2025 Công ty thu hồi được 80 tr.đồng, lũy kế đến 31/12/2025, Công ty đã thu hồi được số tiền 1.380 tr.đồng (trong đó: năm 2020 là 200 tr.đồng; năm 2021 là 600 tr.đồng; năm 2022 là 400 tr.đồng, năm 2023 là 80 tr.đồng, năm 2024 là 20 tr.đồng, năm 2025 là 80 tr.đồng). Đến thời điểm 31/12/2025 giá trị trích lập nợ phải thu khó đòi là: 2.853tr.đồng. Hiện nay, Công ty tiếp tục triển khai các biện pháp thu hồi công nợ; định kỳ hàng quý có văn bản gửi đối tác để đôn đốc thanh toán. Ngày 20/12/2025, Công ty Cổ phần Phát triển Biển Đông có Văn bản số 2012/CVBĐ-2025, trong đó cho biết doanh nghiệp đang gặp khó khăn về tài chính và đề nghị điều chỉnh phương án thanh toán, cam kết thực hiện thanh toán 30 triệu đồng/tháng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty thực hiện đề án tái cơ cấu sắp xếp lại các phòng ban tham mưu, các công trường phân xưởng đảm bảo thực hiện theo mô hình mẫu; triển khai ban hành, sửa đổi, bổ sung 10 quy chế quản lý phù hợp với điều kiện SXKD của Công ty và các quy định của Pháp luật.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực, tiếp tục rà soát sắp xếp lại mô hình tổ chức sản xuất cho phù hợp;

- Đầu tư đổi mới công nghệ thiết bị khai thác, nâng cao năng lực sàng tuyển, chế biến than.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án Bắc Bàn Danh, đảm bảo kế hoạch khai thác hàng năm TKV giao; Tập trung công tác thăm dò, phát triển và mở rộng Dự án.

5. Giải trình của Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

(Kiểm toán độc lập chấp nhận toàn phần).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Công ty đã làm tốt các giải pháp đảm bảo vệ sinh môi trường như: Quan trắc môi trường định kỳ để kịp thời phát hiện các yếu tố có ảnh hưởng xấu đến môi trường để từ đó xây dựng các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường theo đúng quy định hiện hành; thực hiện tốt công tác quản lý chất thải nguy hại; nước thải công nghiệp phát sinh trong quá trình sản xuất; thực hiện các phương án phục hồi cảnh quan môi trường các công trường phân xưởng theo đề án bảo vệ môi trường tổng thể của Công ty đảm bảo đúng luật.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Công ty luôn đảm bảo thực hiện đầy đủ và kịp thời các chính sách đối với người lao động, bao gồm: tiền lương, tiền thưởng, chế độ ăn ca, phụ cấp độc hại, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ phúc lợi khác theo đúng quy định của Nhà nước và pháp luật hiện hành. Việc chi trả được thực hiện công khai, minh bạch, gắn với hiệu quả sản xuất - kinh doanh và năng suất lao động của từng cá nhân, đơn vị.

Bên cạnh đó, Công ty đặc biệt chú trọng cải thiện điều kiện làm việc, đảm bảo an toàn lao động và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Các chế độ phúc lợi, hỗ trợ kịp thời trong các dịp lễ, Tết, cũng như khi người lao động gặp khó khăn đã góp phần tạo sự yên tâm, ổn định trong đội ngũ cán bộ công nhân viên.

Việc đảm bảo đời sống ổn định, môi trường làm việc an toàn và sự quan tâm kịp thời đến người lao động không chỉ giúp nâng cao tinh thần trách nhiệm, sự gắn bó lâu dài mà còn tạo động lực thúc đẩy người lao động phát huy năng lực, nâng cao năng suất lao động, góp phần hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất - kinh doanh đã đề ra.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất - kinh doanh, Công ty luôn nghiêm túc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời chủ động triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và cộng đồng xung quanh khu vực hoạt động.

Công ty duy trì sự phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư trên địa bàn, kịp thời nắm bắt, giải quyết các kiến nghị, phản ánh của người

dân, góp phần giữ vững ổn định xã hội và tạo sự đồng thuận trong quá trình hoạt động sản xuất.

Bên cạnh đó, Công ty tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội như hỗ trợ các chương trình từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng địa phương. Các hoạt động này không chỉ thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp mà còn góp phần nâng cao hình ảnh, uy tín của Công ty trên địa bàn.

III. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

Trong năm 2025, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra các giải pháp và nhận được sự đồng thuận, nỗ lực phấn đấu, phát huy tốt tinh thần Kỷ luật và Đồng tâm của toàn thể công nhân, cán bộ, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch ở mức cao nhất để ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.

Trong năm 2025, Ban Giám đốc đã điều hành SXKD và các mặt hoạt động khác của Công ty đảm bảo đúng pháp luật, chỉ đạo của Tập đoàn TKV, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2025 đề ra và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

3. Các kế hoạch và định hướng của HĐQT.

Năm 2026 được xác định là năm bản lề trong lộ trình phát triển giai đoạn 2026 - 2030 của Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin. Trên cơ sở kế thừa những kết quả đã đạt được năm 2025 và nhận diện rõ những thách thức mới, HĐQT xác định mục tiêu xuyên suốt là: “An toàn – Đoàn kết – Phát triển – Hiệu quả”, tập trung vào các định hướng sau:

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi và ban hành mới các quy chế quản lý nội bộ, hoàn thiện hệ thống quy chế phù hợp với các quy định hiện hành. Thực hiện nghiêm túc nề nếp họp thường kỳ và bất thường để giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban điều hành. Chú trọng công tác tự kiểm tra, kiểm soát nội bộ để chủ động phòng ngừa sai phạm và rủi ro pháp lý trong mọi lĩnh vực SXKD. Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cổ đông và thực hiện công bố thông tin minh bạch, kịp thời theo quy định của thị trường chứng khoán.

- Chỉ đạo triển khai quyết liệt các dự án trọng điểm; Thực hiện nghiêm kỷ luật điều hành theo phương châm “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm”. Tăng cường quản trị tài nguyên, ranh giới mở và kiểm soát chặt chẽ tỷ lệ tổn thất than.

- Đẩy mạnh lộ trình chuyển đổi số giai đoạn 2025-2030, hướng tới mô hình “mở thông minh, quản trị thông minh”. Tập trung ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI, chữ ký số và văn phòng không giấy tờ để tối ưu hóa quy trình nghiệp vụ.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Hoàn thành các công trình phòng chống thiên tai trước mùa mưa bão để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người và tài sản. Đặt mục tiêu an toàn là ưu tiên hàng đầu, không để xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng. Thực hiện nghiêm túc các quy định mới về PCCC & CNCH theo các Nghị định và Thông tư hiện hành.

- Chăm lo người lao động: Đảm bảo việc làm ổn định và tăng thu nhập cho người lao động phù hợp với hiệu quả SXKD; Tiếp tục tái cơ cấu lực lượng lao động theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Thắt chặt mối quan hệ phối hợp với chính quyền và nhân dân

địa phương trong việc quản lý tài nguyên, bảo vệ an ninh trật tự và hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn hoạt động.

- Tăng cường hợp tác, phối hợp chính quyền địa phương đảm bảo sự phát triển hài hòa trên địa bàn, đặc biệt là phối hợp tốt với cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc quản lý ranh giới mỏ, quản lý khai thác, vận chuyển và kinh doanh than. Sử dụng các sản phẩm dịch vụ của địa phương trên nguyên tắc chất lượng tiến độ và giá cả cạnh tranh.

- Phối hợp các tổ chức Đảng, đoàn thể đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền, hướng dẫn đến người lao động, công chúng và khách hàng cần thiết để tất cả mọi người trong đơn vị hiểu rõ, tạo sự đồng thuận, nhằm phát huy tối đa và tiềm năng lợi thế của toàn Công ty.

IV. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu HĐQT:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu, không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Vũ Văn Khẩn	Chủ tịch HĐQT, Người đại diện phần vốn TKV	28/11/2025	
2	Ngô Thế Phiệt	Chủ tịch HĐQT, Người đại diện phần vốn TKV	23/8/2023	28/11/2025
3	Trần Quốc Tuấn	TV HĐQT- Giám đốc	09/01/2025	-
4	Trần Quốc Toàn	TV HĐQT- Phó GD	09/01/2025	-
5	Đặng Văn Tĩnh	TV HĐQT- Phó BTĐU	25/4/2022	-
6	Phạm Thị Hải	Thành viên độc lập HĐQT	25/4/2022	-

Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 09/01/2025 đã miễn nhiệm 2 thành viên HĐQT là đ/c Nguyễn Quang Quảng và đ/c Nguyễn Việt Thanh do 02 đ/c chuyển công tác; đồng thời kiện toàn, bầu bổ sung thành viên HĐQT đối với đ/c Trần Quốc Tuấn và đ/c Trần Quốc Toàn. Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 28/11/2025 đã miễn nhiệm 01 thành viên HĐQT là đ/c Ngô Thế Phiệt do đ/c chuyển công tác, đồng thời bầu bổ sung thành viên HĐQT đối với đ/c Vũ Văn Khẩn.

Trong 05 thành viên HĐQT có 03 thành viên kiêm nhiệm chức vụ quản lý của Công ty, 01 thành viên HĐQT không điều hành và 01 thành viên độc lập HĐQT. Các Thành viên HĐQT đều được phân công phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình.

b. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT:

Các Phòng ban trong Công ty được giao nhiệm vụ đồng thời là các tiểu ban giúp việc cho HĐQT Công ty, tham mưu giúp HĐQT chỉ đạo bộ máy điều hành thực hiện SXKD đúng pháp luật, sử dụng lao động hợp lý, hiệu quả.

c. Hoạt động của HĐQT:

HĐQT đã duy trì nề nếp các cuộc họp thường kỳ hàng tháng, quý đảm bảo chương trình, số lượng thành viên dự họp và biểu quyết theo Luật định. Tổ chức thực hiện tốt công tác giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý điều hành.

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức họp 33 phiên họp, ban hành 33 Nghị quyết và 43 Quyết định với sự đồng thuận cao, không có ý kiến bảo lưu. Trình tự, nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị tuân thủ Điều lệ Công ty, đảm bảo minh bạch và đúng thẩm quyền và ác quy chế quản trị hiện hành.

Ban hành sửa đổi bổ sung 05 Quy chế quản lý (*Quy chế quản lý tiền lương và thu nhập; Quy chế quản lý công tác Đào tạo- Bồi dưỡng công nhân cán bộ ;Quy chế tổ chức hoạt động pháp chế; Quy chế Thi đua, khen thưởng; Quy chế quản lý an toàn vệ sinh lao động trong Công ty CP Than Hà Tu-Vinacomin*).

Các nội dung họp HĐQT cụ thể về các lĩnh vực, nội dung như sau:

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ thông qua
1	Giám sát hoạt động quản lý, điều hành SXKD : <i>Giám sát kết quả SXKD hàng tháng/quý; thông qua kế hoạch phối hợp SXKD năm 2026 và giai đoạn 2026-2030.</i>	17	100%
2	Đầu tư xây dựng: <i>Phê duyệt dự án khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh; các dự án phục vụ sản xuất năm 2024-2025; dự án PCCC và phục hồi môi trường.</i>	24	100%
3	Tổ chức nhân sự: <i>Bổ nhiệm Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng; luân chuyển cán bộ quản lý và kiện toàn nhân sự các tổ thẩm định.</i>	16	100%
4	Lao động, tiền lương, chế độ chính sách: <i>Phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện; kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi; các chế độ đãi ngộ và trang thiết bị cho người lao động.</i>	12	100%
5	Quản lý tài chính: <i>Phê duyệt các chỉ tiêu tài chính năm 2025; thông qua các phương án vượt mức tín dụng ngắn hạn bình quân.</i>	2	100%
6	Ban hành quy chế quản lý nội bộ: <i>Sửa đổi và ban hành mới 05 quy chế cốt lõi về: Tiền lương, Đào tạo, Pháp chế, Thi đua khen thưởng và An toàn vệ sinh lao động.</i>	5	100%
7	Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): <i>Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên (25/4/2025) và 02 phiên ĐHĐCĐ bất thường để kiện toàn bộ máy nhân sự.</i>	3	100%
8	Công tác quản trị, nội dung khác: <i>Phê duyệt kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2025-2030; kế hoạch kiểm toán nội bộ; phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT.</i>	12	100%

d. Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT:

Thành viên độc lập HĐQT được Đại hội đồng cổ đông của Công ty bầu và hoạt động từ ngày 25 tháng 4 năm 2022; Năm 2025 đã tham dự 32/33 cuộc họp HĐQT đạt 92,3% tổng số các cuộc họp HĐQT trong năm. Thành viên độc lập hội đồng Quản trị

Công ty đã thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, các kỳ họp HĐQT đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo chất lượng, trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Trong quá trình hoạt động, Thành viên độc lập HĐQT đã phối hợp tốt với các thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và các Cổ đông. Thành viên độc lập HĐQT không bị can thiệp bởi các thành viên HĐQT, các cá nhân tổ chức trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Thành viên độc lập đã trực tiếp làm việc, trao đổi với các thành viên Hội đồng Quản trị khác, Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ Công nhân viên có liên quan để tiếp cận các thông tin phục vụ hoạt động của mình đồng thời trao đổi, thảo luận, góp ý kiến những vấn đề phát sinh, vướng mắc, góp phần duy trì ổn định sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phụ cấp Thành viên độc lập HĐQT thực hiện năm 2025 đạt 262.800.000đ.

e. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

Các thành viên HĐQT, Ban giám đốc tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ của Tập đoàn TKV tại Trường quản trị kinh doanh nhằm bổ sung và nâng cao kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành, tổ chức hoạt động SXKD của Công ty. Trong năm 2025, các thành viên HĐQT đã tham dự: (i) Hội nghị tuân thủ pháp luật chứng khoán và lưu ý sai sót trong lập báo cáo tài chính do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức với sự đồng hành với Cục quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán- Bộ tài chính và Hội kiểm toán ngành nghề Việt Nam(VACPA) tổ chức; (ii) Hội thảo Quản trị công ty và Hội nghị Doanh nghiệp thường niên năm 2025. Theo Giấy mời số: 2263/GM-SGDHN ngày 10/10/2025 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát (BKS):

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Bà : Nguyễn Thị Lương Anh	Trưởng BKS	26/4/2021	Cử nhân kinh tế
2	Ông : Ngô Duy Đà	TV BKS	25/4/2022	Kỹ sư khai thác mỏ
3	Bà : Phạm Thị Lan Hương	TV BKS	25/4/2016	Cử nhân kế toán, kiểm toán, Cử nhân Luật

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát Công ty đã tổ chức 04 cuộc họp để thực hiện chức năng giám sát theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ có liên quan.

Các thành viên Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ 04/04 cuộc họp, không có trường hợp vắng mặt. Việc biểu quyết tại các cuộc họp được thực hiện theo nguyên tắc tập thể, đảm bảo tuân thủ quy định

Cuộc họp lần thứ nhất, tổ chức ngày 01/3/2025, nhằm thống nhất các nội dung Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên Ban Kiểm soát.

Các cuộc họp tiếp theo được tổ chức trong năm gắn với các kỳ kiểm soát hoạt động quản lý, điều hành của Công ty; thống nhất nội dung Biên bản kiểm soát Quý II/2025; thực hiện soát xét tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2025, Quý III/2025 và thông qua Kế hoạch kiểm soát năm 2026.

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát được tổ chức đúng thẩm quyền, nội dung họp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ giám sát của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

ĐVT: Triệu đồng

	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương		Thù lao		Phụ cấp	
			KH phê duyệt	Thực hiện	NQ ĐHĐCĐ	Thực hiện	Nghị quyết ĐHĐCĐ	Thực hiện
I	Hội đồng quản trị							
1	Vũ Văn Khẩn	Chủ tịch			5,14	5,14		
2	Ngô Thế Phiệt	Chủ tịch			56,54	56,54		
3	Đặng Văn Tĩnh	TV-HĐQT			52,56	52,56		
4	Phạm Thị Hải	TV-HĐQT độc lập					262,8	262,8
II	Ban Giám đốc							
1	Trần Quốc Tuấn	TV.HĐQT Giám đốc	444,6	511,29	52,56	52,56		
2	Trần Quốc Toàn	TV.HĐQT PGĐ	394,2	453,33	52,56	52,56		
3	Lam Anh Tuấn	PGĐ	394,2	453,33				
4	Nguyễn Trọng Hiếu	PGĐ	394,2	453,33				
5	Phan Ngũ Hoàn	PGĐ		264,44				
6	Bùi Thanh Bình	KTT	360	51,75				
III	Ban kiểm soát							
1	Nguyễn Thị Lương Anh	Trưởng BKS			54,96	54,96		
2	Ngô Duy Đà	Thành viên			52,56	52,56		
3	Phạm Thị Lan Hương	Thành viên			52,56	52,56		
	Tổng cộng		1.987,2	2.187,5	379,44	379,44	262,8	262,8

- Quỹ tiền lương của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được quyết toán bằng 110,1% so với quỹ lương kế hoạch do lợi nhuận và tiền lương của người lao động vượt kế hoạch.

- Đồng chí Ngô Thế Phiệt giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ tháng 01/2025 đến ngày 28/11/2025, quỹ thù lao năm 2025 được quyết toán 11 tháng.

- Đồng chí Vũ Văn Khẩn giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ ngày 28/11/2025, quỹ thù lao năm 2025 được quyết toán 01 tháng.

- Đồng chí Phan Ngũ Hoàn - Phó Giám đốc được bổ nhiệm từ ngày 01/6/2025, quỹ tiền lương năm 2025 được quyết toán 07 tháng.

- Đồng chí Bùi Thanh Bình - Kế toán trưởng được bổ nhiệm từ ngày 15/11/2025, quỹ tiền lương năm 2025 được quyết toán 1,5 tháng.

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d. Đánh giá về việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Trong năm 2025 Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về quản trị Công ty, theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ ban hành và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính “Hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán”.

V. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

(Tại báo cáo kiểm toán độc lập số 170326.003/BCTC.QN ngày 17/3/2026 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC): “Theo ý kiến của chúng tôi. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý. trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. phù hợp với Chuẩn mực kế toán. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Công ty đã thực hiện công bố thông tin và gửi báo cáo tài chính đã kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Đồng thời Công ty đã đăng tải Báo cáo tài chính 2025 trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: www.hatucoal.vn ở mục "*Quan hệ cổ đông/Báo cáo tài chính*".

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
I/TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.179.223.999.395	776.224.432.939
1- Tiền và các khoản tương đương tiền	11.095.945.950	4.279.243.584
2- Các khoản Đầu tư t/chính ngắn hạn		
3- Các khoản phải thu ngắn hạn	348.475.369.160	224.519.965.144
4- Hàng tồn kho	738.239.367.023	479.507.179.328
5- Tài sản ngắn hạn khác	81.413.317.262	67.918.044.883
II - TÀI SẢN DÀI HẠN	665.633.801.554	790.048.500.864
1. Các khoản phải thu dài hạn	112.207.207.851	97.309.831.066
2. Tài sản cố định	459.496.631.224	581.571.516.869
3. Tài sản dở dang dài hạn	1.583.146.310	4.446.621.986
4. Tài sản dài hạn khác	92.346.816.169	106.720.530.943
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.844.857.800.949	1.566.272.933.803
NGUỒN VỐN	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
III - NỢ PHẢI TRẢ	1.455.121.992.187	1.197.683.383.417
1. Nợ ngắn hạn	1.251.438.954.274	987.089.188.530
2. Nợ dài hạn	203.683.037.913	210.868.036.646
IV - VỐN CHỦ SỞ HỮU	389.735.808.762	368.589.550.386
1. Vốn chủ sở hữu	389.735.808.762	368.589.550.386
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	245.690.520.000	245.690.520.000
- Thặng dư vốn cổ phần	-46.818.182	-46.818.182
- Vốn khác của chủ sở hữu	569.137.076	569.137.076
- Quỹ đầu tư phát triển	38.569.843.947	38.569.843.947
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	104.953.125.921	83.806.867.545
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
- Nguồn kinh phí sự nghiệp		
- Nguồn kinh phí đó hình thành TSCĐ		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.844.857.800.949	1.566.272.933.803

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.315.069.155.660	4.239.149.584.161
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
3. Doanh thu thuần	5.315.069.155.660	4.239.149.584.161
4. Giá vốn hàng bán	5.125.950.317.207	4.099.303.268.344
5. Lợi nhuận gộp	189.118.838.453	139.846.315.817
6. Doanh thu hoạt động tài chính	2.881.618.663	2.807.137.181
7. Chi phí tài chính	38.138.403.143	21.329.748.871
- Trong đó: Chi phí lãi vay	38.138.403.143	21.329.748.871
8. Chi phí bán hàng	11.531.930.575	9.238.081.448
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	99.098.885.866	89.792.771.370
10. LN thuần từ HĐKD	43.231.237.532	22.292.851.309
11. Thu nhập khác	8.409.981.606	7.503.353.040
12. Chi phí khác	275.339.161	1.588.050.565
13. Lợi nhuận khác	8.134.642.445	5.915.302.475
14. Tổng LN kế toán trước thuế	51.365.879.977	28.208.153.784
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.200.000	8.999.626.673
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	11.009.894.490	-3.211.996.222
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	40.354.785.487	22.420.523.333
18- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	1643	913

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (PPGT)

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	51.365.879.977	28.208.153.784
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	230.908.216.772	248.848.720.927
- Các khoản dự phòng	03	-80.000.000	-20.000.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-6.304.151.527	-158.700.639
- Chi phí lãi vay	06	38.138.403.143	21.329.748.871
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	314.028.348.365	298.207.922.943
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	-140.641.675.023	22.680.901.445
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-258.732.187.695	-84.311.302.723
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	199.041.996.054	78.993.341.455
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-8.261.357.873	-36.861.937.014
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	0	0
- Tiền lãi vay đã trả	14	-38.133.278.022	-21.444.962.066
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-27.124.307.994
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	7.020.000	0
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-26.125.497.010	-31.614.580.041
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	41.183.368.796	198.525.076.005
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	-106.029.906.222	-102.481.345.177
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	6.313.328.296	20.571.600

3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	50.874.002	138.129.039
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-99.665.703.924	-102.322.644.538
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.854.666.649.451	436.825.676.699
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-1.781.999.047.632	-509.480.121.960
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-7.368.564.325	-24.502.562.175
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	65.299.037.494	-97.157.007.436
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	6.816.702.366	-954.575.969
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.279.243.584	5.233.819.553
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	11.095.945.950	4.279.243.584

Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT, UBCKNN (Qua CIMS, b/c);
- Các TV HĐQT, BKS (e-copy);
- Ban Giám đốc (e-copy);
- Phòng CV đăng Website (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC**



Trần Quốc Tuấn